

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ HABECO

Căn cứ pháp lý:

- Luật doanh nghiệp 2014.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán 62/2010/QH12 thông qua ngày 24/11/2010.
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ – CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Căn cứ Thông tư 95/2010/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Stt	Điều lệ hiện hành (ban hành 2016)	Điều lệ mới, dự kiến sửa đổi
Phần căn cứ xây dựng Điều lệ	1. Điều lệ này được xây dựng căn cứ vào:	Bổ sung các căn cứ: <ul style="list-style-type: none"> - Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010; - Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; - Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, - Thông tư số 95/2017/TT-BCT ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.
	2. Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông	2. Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà

	thường niên năm 2016 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội đã nhất trí thông qua nội dung của Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.	Nội đã nhất trí thông qua nội dung của Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.
Điều 1. Giải thích từ ngữ	d. “Cán bộ quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong HABECO	d. “ Người quản lý doanh nghiệp ” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác trong HABECO có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong từng thời kỳ.
	e. “ Người có liên quan ” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp	e. “ Người có liên quan ” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
		Bổ sung: f. “ Người điều hành doanh nghiệp ” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác các trưởng ban theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
		k. “ Luật chứng khoán ” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
		l. “ Cổ đông lớn ” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán “Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành”.

	Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, <u>Luật chứng khoán</u> nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Habeco	Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Bia Hà Nội	Bỏ nội dung: Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Bia Hà Nội
		Bổ sung nội dung các chi nhánh của HABECO: a, Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội – Nhà máy Bia Hà Nội – Mê Linh, địa chỉ: Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. b, Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội – Nhà máy Bia Hà Nội – Hoàng Hoa Thám, địa chỉ: Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
	5. Tổng công ty thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	6. Hội đồng quản trị HABECO có thể quyết định thay đổi trụ sở chính và/hoặc thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại các tỉnh hoặc thành phố của Việt Nam hoặc nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của HABECO, theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ này.
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	Tổng công ty HABECO có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật: 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị; 2. Tổng giám đốc.	Bổ sung trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật HABECO. 1. HABECO có hai (02) người đại diện theo pháp luật: a. Chủ tịch HĐQT b. Tổng Giám đốc

		<p>2. Trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật HABECO.</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc thực hiện trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật HABECO theo quy định tại Điều lệ này và Điều 14 Luật doanh nghiệp.</p> <p>b. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của HABECO:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT đại diện cho HABECO thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của HABECO do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, phê chuẩn, thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Chủ tịch HĐQT đại diện cho HABECO với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với những giao dịch đó. - Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của HABECO thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc quy định tại Điều lệ này. Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với những giao dịch đó. Ngoài ra Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO đối với tất cả các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền đại diện theo pháp luật của Chủ tịch HĐQT như quy định tại phần trên.
Điều 4. Vốn điều lệ	<p>Khoản 1 Điều 4</p> <p>Vốn điều lệ của HABECO được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc hiện vật; được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.</p>	<p>Vốn điều lệ của HABECO được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, hoặc hiện vật các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.</p>

	<p>Điểm b Khoản 4 Điều 4:</p> <p>b. Tổng công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>b. HABECO có thể mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định và Điều 129 của Luật Doanh Nghiệp; mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan;</p>
Điều 8. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.	<p>HABECO có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được <u>Hội đồng quản trị phê chuẩn</u></p>	<p>HABECO có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép phù hợp với sự phát triển của Tổng công ty và nhu cầu thị trường. Tất cả những thay đổi này đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu pháp luật Việt Nam có quy định).</p>
Điều 9. Quyền trong hoạt động sản xuất, kinh doanh		<p>Bổ sung:</p> <p>11. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.</p>
Điều 13. Cổ phần	<p>Khoản 3</p> <p>Cổ phần được góp bằng các phương tiện, thiết bị và tài sản khác phải được đánh giá lại, tính thành tiền để xác định số lượng cổ phần ngay tại thời điểm góp vốn và phải được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>Khoản 3</p> <p>Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam.</p>
	<p>Khoản 7</p> <p>Toàn bộ các cổ phần mới hoặc chứng khoán khác có thể được chuyển đổi thành cổ phần phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần</p>	<p>Khoản 7</p> <p>Toàn bộ các cổ phần mới hoặc chứng khoán khác có thể được chuyển đổi thành cổ phần phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong HABECO, <u>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.</u></p>

	phổ thông của họ trong HABECO.	
Điều 14. Cổ phiếu	<p>Điểm d khoản 2 Điều 14:</p> <p>Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do HABECO phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra và có trách nhiệm sửa chữa những sai sót đó.</p>	<p>Điểm d khoản 2 Điều 14:</p> <p>Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do HABECO phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. <u>Người đại diện theo pháp luật HABECO ký trên cổ phiếu chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.</u></p>
	<p>Điểm e khoản 2 Điều 14:</p> <p>Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Điểm e khoản 2 Điều 14:</p> <p>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng thì cổ đông sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được HABECO cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho HABECO. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp</p>
Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	<p>Khoản 6 Điều 15</p> <p>6. Cổ phiếu của HABECO được tự do chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Hội đồng quản trị HABECO. <u>Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu.</u></p> <p>... Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>Khoản 6 Điều 15</p> <p>6. Cổ phiếu của HABECO được tự do chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của HABECO. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phiếu phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và <u>Điều lệ này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. ...</u></p> <p>... Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.</p>

	<p>Khoản 8 Điều 15</p> <p>8. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. <u>Cổ phiếu chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức</u></p>	<p>Khoản 8 Điều 15 sửa đổi thành:</p> <p>8. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. <u>Cổ phiếu chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức</u></p>
<p>Điều 16.</p> <p>Thừa kế cổ phần</p>	<p>Điểm a khoản 1 Điều 16:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc (cá nhân và/hoặc tổ chức) hoặc người thừa kế theo pháp luật (cá nhân) của cổ đông đó là cổ đông của HABECO. <u>Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng.</u> HABECO không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.</p>	<p>Điểm a khoản 1 Điều 16:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc (cá nhân và/hoặc tổ chức) hoặc người thừa kế theo pháp luật (cá nhân) của cổ đông đó là cổ đông của HABECO.</p> <p>HABECO không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 17.</p> <p>Phát hành trái phiếu.</p>	<p>Điểm b Khoản 2 Điều 17:</p> <p>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.</p> <p>Khoản 3 Điều 17:</p> <p><u>Hội đồng quản trị</u> HABECO có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ</p>	<p>Bỏ</p> <p>Khoản 3 Điều 17:</p> <p><u>Đại hội đồng cổ đông</u> HABECO có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.</p>

	sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.	
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của Habeco	<p>Tiêu đề: Mua lại cổ phần theo quyết định của <u>Hội đồng quản trị HABECO</u></p> <p>Khoản 1 Điều 20: Hội đồng quản trị HABECO có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong <u>mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác</u>, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	<p>Sửa tiêu đề của Điều 20: Mua lại cổ phần theo quyết định của <u>HABECO</u></p> <p>Khoản 1 Điều 20: Hội đồng quản trị HABECO có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong <u>12 tháng. Trường hợp khác</u>, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	<p>Khoản 3 Điều 21: 3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với HABECO.</p>	<p>Khoản 3 Điều 21: 3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với HABECO.</p>
Điều 24 Cổ tức	<p>Khoản 2</p> <p>Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của HABECO.</p>	<p>Khoản 2</p> <p>Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của HABECO. <u>Mức cổ tức dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua</u></p>
Điều 25. Chi trả cổ tức	Khoản 1.	Bỏ

	<p>Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của HABECO. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc địa chỉ đăng ký mới nhất của cổ đông.</p> <p>Cổ tức thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi HABECO đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu HABECO đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì HABECO không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.</p>	
Điều 29. Quyền của cổ đông	<p>Điểm b khoản 2 “Trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền...”</p>	<p>Điểm b khoản 2 “Trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng có quyền....</p>
	<p>Khoản 3. “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục</p>	<p>Khoản 3. “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:...”</p>

	ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:...”	
Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông	Khoản 2 Điều 30 Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của HABECO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.	Bổ sung Khoản 2 Điều 30 Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của HABECO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút <u>và các thiệt hại xảy ra (nếu có).</u>
	Khoản 4 Điều 30 Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Bổ sung Khoản 4 Điều 30 Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị <u>và Tổng Giám đốc.</u>
		Bổ sung: 5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 6. Chịu trách nhiệm các nhân khi nhân danh HABECO dưới mọi hình thức thực hiện một số hành vi sau: a, Vi phạm pháp luật; b, Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c, Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công

<p>Điều Đại đồng đồng</p>	<p>32. hội cổ</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO;</p> <p>g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ HABECO;</p> <p>i. <u>Xem xét</u> và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát HABECO gây thiệt hại cho HABECO và cổ đông HABECO;</p> <p>k. Quyết định tổ chức lại, giải thể HABECO;</p> <p>l. Quyết định mua lại trên 10% cổ phần đã bán của mỗi loại.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 2:</p> <p>e. [Bổ sung] Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO đã được kiểm toán;</p> <p>f. [Bổ sung] Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g. [Sửa đổi] Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO.</p> <p>i. [Sửa đổi] <u>Kiểm tra</u> và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát HABECO gây thiệt hại cho HABECO và cổ đông HABECO;</p> <p>k. [Sửa đổi] Quyết định tổ chức lại, giải thể (thành lý) HABECO và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại.</p> <p>m. [Bổ sung] HABECO ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của HABECO được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>
--	--	--

		n. [Bổ sung] Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
	Điểm d khoản 2 Điều 32 d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên HABECO	Điểm d khoản 2 Điều 32 d. <u>Số lượng</u> thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên HABECO
		Bổ sung: 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
Điều 33. Thảm	Tiêu đề Điều 33. Thảm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ	Sửa tiêu đề Điều 33 Thảm quyền triệu tập <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông

quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đồng	đồng	
	Điểm b Khoản 2 “Báo cáo tài chính hằng năm của HABECO”	Điểm b Khoản 2 “Báo cáo tài chính hằng năm của HABECO đã được kiểm toán”
	<p>Khoản 3 Điều 33</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát HABECO còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát,</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.</p>	<p>Khoản 3 Điều 33:</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quy định của Điều lệ này;</p> <p>c. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này;</p> <p>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình,;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Tổng giám đốc.</p>
	<p>Khoản 6 Điều 33</p> <p>“Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật doanh</p>	<p>Khoản 6 Điều 33</p> <p>“Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này có quyền.....”</p>

	nghiệp...”	
	<p>Khoản 7 Điều 33</p> <p>7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu cuộc họp, <u>dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u>, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này</p>	<p>Khoản 7 Điều 33 bỏ một số nghĩa vụ của người triệu tập:</p> <p>7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.</p>
Điều 35. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điểm c khoản 3 Điều 35 “Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên”</p>	<p>Điểm c khoản 3 Điều 35 “Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên”</p>
Điều 36. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Khoản 1 Điều 36 ”....Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi <u>ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp</u> Đại Hội đồng cổ đông (<u>tính từ</u></p>	<p>Khoản 1 Điều 36 “....Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc được chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)...)</p>

đồng	<p><u>ngày mà được bỏ vào hòm thư</u>). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến tay hoặc địa chỉ đăng ký của cổ đông...”</p> <p>“...Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ để các cổ đông có thể tiếp cận”</p>	<p>Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn tới toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
Điều 37. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông		<p>Bổ sung khoản 4 “Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với HABECO).”</p>
	<p>Điểm b khoản 4 “ Người ủy quyền đã <u>chấm dứt</u> việc ủy quyền”</p>	<p>Sửa thành điểm b khoản 5 “ Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền”</p> <p>Khoản 5, nên được sửa thành: Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này Bổ sung điểm c khoản 5 ”Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp HABECO nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại”</p>
Điều 38. Điều kiện	Khoản 2 “Trường hợp cuộc họp thứ nhất...”	Bổ sung khoản 2. “Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập

<p>tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng</p>	<p>Khoản 3 “Trường hợp đại hội lần thứ 2..... Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp”</p>	<p>họp hủy cuộc họp. Trường hợp cuộc họp thứ nhất...”</p> <p>Sửa khoản 3 thành “Trường hợp đại hội lần thứ 2..... Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, <u>được coi là họp lệ và có quyền biểu quyết quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</u>”</p>
<p>Điều 39. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng</p>	<p>Khoản 2. “.....Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu</p> <p>Khoản 3. “Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng”.</p> <p>Khoản 4 “Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm</p>	<p>Khoản 2. “....Đại hội sẽ bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.”</p> <p>Khoản 3.”Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi”</p> <p>Khoản 4 “. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ</u></p>

<p>Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì thành viên hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để đại hội đồng cổ đông cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp”</p>	<p><u>toa cuộc họp”</u></p>
<p>Khoản 6.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc <u>(c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.</u> Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại</p>	<p>Sửa đổi Khoản 6.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại</p> <p>định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>

	hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.	
	Khoản 12 ... Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ký kiến bằng văn bản.	Khoản 12 ... <u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ký kiến bằng văn bản.
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:	Ý kiến BCT tại CV10344 Đề nghị chỉnh sửa lại theo hướng: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Hiện khoản 2 Điều 40 đang quy định quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo 03 hình thức, gồm: biểu quyết tại cuộc họp, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, nhưng do đây là nhóm vấn đề quan trọng của công ty nên cần được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu tại cuộc họp, đồng thời để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này “ <i>Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành</i> ”
	Điểm d Khoản 3. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO;	Điểm d Khoản 3. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <u>được kiểm toán</u> của HABECO;
	Khoản 4. Các nghị quyết khác được	Khoản 4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác (ngoài các

	thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5, Điều này	nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 5, Điều này) được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
	Khoản 8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.	Khoản 8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, <u>việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của HABECO.</u>
Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 2 và 3 Điều 41 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; Việc lập danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 Điều lệ. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có đầy đủ các	Khoản 2 và 3 Điều 41 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Điều lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ; 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá

	<p>nội dung quy định tại khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp. Thời hạn cổ đông phải gửi phiếu lấy ý kiến về HABECO không được quy định ít hơn mười bốn (14) ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị gửi phiếu đi;</p>	<p>nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.</p>
	<p>Điểm e Khoản 5 Điều 41</p> <p>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p>	<p>Điểm e Khoản 5 Điều 41</p> <p>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>Tổng Giám đốc</u>, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p>
<p>Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 4 “Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp”</p>	<p>Khoản 4. “Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.”</p>
	<p>Khoản 5 đổi thành khoản 6</p>	<p>Bổ sung khoản 5. “Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.”</p>
<p>Điều 43. Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông, cổ đông, nhóm</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>

<p>đồng cổ đồng</p>	<p>cổ đông quy định tại <u>Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp</u>, có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây</p>	<p>Bổ sung “Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có Nghị quyết bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</p>
<p>Điều 44. Hội đồng quản trị</p>	<p>Các điểm a, c, d, h, i, l, n Khoản 2 Điều 44</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm của HABECO;</p> <p>c. Quyết định loại, tổng giá trị, mức giá và thời điểm phát hành trái phiếu, cổ phiếu theo quy định của pháp luật.</p> <p>d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay</p>	<p>Sửa đổi các điểm a, c, d, h, i, l, n Khoản 2 Điều 44</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn và kế hoạch hằng năm của HABECO;</p> <p>c. Kiến nghị loại, tổng giá trị, mức giá và thời điểm phát hành trái phiếu, cổ phiếu theo quy định của pháp luật;</p> <p>d. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu của HABECO trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO, trừ hợp đồng và giao dịch có liên quan theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 32 và Điều 68 của Điều lệ này;</p>

và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO, trừ hợp đồng và giao dịch có liên quan theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 32 và Điều 66 của Điều lệ này;

i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối với Tổng giám đốc HABECO theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Giám đốc nhà máy hoạch toán phụ thuộc, các chức danh và vị trí thuộc Hội đồng quản trị của HABECO theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc; Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết

i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối với Tổng giám đốc HABECO; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý theo đề nghị của Tổng giám đốc; Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, **quy chế quản lý nội bộ**, quyết định thành lập, giải thể các công ty con, các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của HABECO và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác. Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập/giải thể các tiểu ban giúp việc HĐQT. Cán bộ của các Tiểu ban này có thể do HĐQT cử cán bộ Tổng công ty kiêm nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết;

n. Trình báo cáo báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

	<p>định thành lập, giải thể các công ty con, các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của HABECO; quy định chức năng, nhiệm vụ, phân công lĩnh vực phụ trách của các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng, ban tham mưu giúp việc của HABECO theo đề nghị của Tổng giám đốc HABECO;</p> <p>n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông</p>	
		<p>Bổ sung các điểm q, r Khoản 2 Điều 44</p> <p>q. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị HABECO sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p>
		<p>Bổ sung khoản 6, khoản 7:</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính.</p> <p>7. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt Công ty</p>
	<p>Khoản 5 Điều 44</p> <p>Hội đồng quản trị phải xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa đổi Khoản 5 Điều 44</p> <p>Hội đồng quản trị phải xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công, phân cấp trong Hội đồng quản trị để bảo đảm việc xử lý công việc và</p>

	<p>và phân công, phân cấp trong Hội đồng quản trị để bảo đảm việc xử lý công việc và quản lý giám sát của Hội đồng quản trị. Xây dựng quy chế quản trị HABECO để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của HABECO.</p>	<p>quản lý giám sát của Hội đồng quản trị. Xây dựng quy chế quản trị HABECO để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của HABECO <u>trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p>
<p>Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Khoản 1 “Hội đồng quản trị có từ 3 đến 11 thành viên...”</p>	<p>Tách khoản 1 Điều 45 thành 2 khoản riêng biệt</p> <p>Khoản 1 “Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 3 đến 11 thành viên, số lượng cụ thể thành viên hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định”</p> <p>Khoản 2 “Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam”</p>
	<p>Khoản 4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị</p>	<p>Khoản 3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>
		<p>Bỏ các khoản 2,3 và 5 của Điều 45 Điều lệ cũ.</p>
		<p>Bổ sung Khoản 4 và 5 Điều 45</p>

		<p>4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>5. Số lượng cụ thể, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>
Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	Tiêu đề: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	Tiêu đề: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.
	<p>Khoản 1</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của HABECO.</p>	<p>Sửa đổi điểm a, b Khoản 1</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p>
		<p>Bổ sung điểm e Khoản 1</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không quá 5 công ty khác.</p>

	<p>Thay đổi thứ tự các khoản do bổ sung thêm nội dung</p>	<p>Bổ sung khoản 2:</p> <p>2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của HABECO để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày tháng năm sinh; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho HABECO trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị HABECO; - Các lợi ích có liên quan tới HABECO (nếu có); - Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có).
	<p>Khoản 2. “Các cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06</p>	<p>Khoản3. “Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều này. Cổ đông hoặc</p>

	(sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.”	nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.”
Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Khoản 1 Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị.	Sửa đổi và tách Khoản 1 thành Khoản 1 và Khoản 2 1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị HABECO không kiêm Tổng giám đốc HABECO
	Khoản 2 Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung về mọi công việc của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông, có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ,	Sửa đổi nội dung và điều chỉnh thứ tự thành Khoản 3 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

<p>quyền hạn của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Lập và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Triệu tập và chủ toạ cuộc họp của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Trực tiếp giám sát và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>a. Phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Lập và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Triệu tập và chủ toạ cuộc họp của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Tổ chức việc thông qua quyết định</p>	<p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</p> <p>g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các văn bản đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc phê chuẩn;</p> <p>h) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
---	---

	<p>của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Trực tiếp giám sát và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>h. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>i. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng thuê, mức lương đối với Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc nhà máy hoạch toán phụ thuộc, các chức danh và vị trí thuộc Hội đồng quản trị của HABECO;</p> <p>k. Bảo đảm việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của HABECO, báo cáo kiểm toán, báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông;</p> <p>l. Trực tiếp chỉ đạo hoặc ủy quyền cho các người quản lý khác của HABECO chỉ đạo các đơn vị, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông</p>	
--	---	--

	và Hội đồng quản trị phân công.	
	<p>Khoản 3 và 4 Điều 47</p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ tạm thời thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị có mặt hoặc có khả năng làm việc.</p> <p>4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn với bất cứ lý do nào thì trong thời hạn 10 ngày Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.</p>	<p>Bỏ Khoản 3, Khoản 4 và điều chỉnh thứ tự các khoản của Điều 47 Điều lệ cũ</p>
		Bổ sung các khoản 4, 5 và 6 Điều 47

		<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>
Điều 48. Cuộc họp Hội đồng	Khoản 2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của	Khoản 2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của HABECO hoặc ở nơi khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí

quản trị	HABECO hoặc ở nơi khác theo quyết định của người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị	<u>của Hội đồng quản trị.</u>
	Điểm a khoản 4. “Có đề nghị của thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập”.	Điểm a khoản 4 “Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập của Hội đồng quản trị ”
	Khoản 5 “... ; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị”.	Sửa đổi và Bổ sung trong nội dung của khoản 5 “... ; những người đề nghị tổ chức cuộc họp <u>nêu tại khoản 4 Điều này có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.</u> Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty”
	Khoản 7. “Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được tham gia biểu quyết”	Khoản 7 “Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp kèm theo đến Kiểm soát viên. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết”.
	Khoản 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư	Khoản 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy

	<p>(3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. <p>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tiếp qua điện thoại hoặc phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>
<p>Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p>		<p>Sửa đổi Khoản 1, theo đó, bỏ nội dung “Biên bản phải ghi rõ họ tên, chữ ký của Chủ tọa phiên họp, Thư ký và/hoặc các thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp”</p>
		<p>Bổ sung khoản 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội</p>

		<p>dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi</p> <p>Điều 50. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban thực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên đứng chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Điều 51. Người phụ trách quản trị HABECO</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) làm Người phụ trách quản trị HABECO để hỗ trợ hoạt động quản trị HABECO được tiến hành một cách hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị HABECO phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị. <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị HABECO khi cần</p>
--	--	--

		<p>nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị HABECO có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa HABECO và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của HABECO;</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.</p>
Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung		<p>Bỏ các khoản b, e Khoản 1 Điều 53 của Điều lệ cũ:</p> <p>b. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự bởi quyết định của cơ quan pháp luật;</p> <p>e. Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Điều 18 Luật Doanh nghiệp;</p>

thành viên Hội đồng quản trị		
	Điểm k Khoản 1 Điều 51: k. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	Bổ: Vì trùng lặp với một phần nội dung của điểm b (Dự thảo Điều lệ thay thế).
		Bổ sung điểm h khoản 1 “Cung cấp thông tin cá nhân không trung thực khi gửi cho HABECO với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị”
	Khoản 2 Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 2 Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo <u>Nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông.
	Khoản 5 Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, bổ sung Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Khoản 5 Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, bổ sung Hội đồng quản trị phải được <u>công bố thông tin</u> theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
Điều 54. Quyền hạn và nghĩa		Chỉnh sửa từ ngữ diễn đạt: - Chỉnh tiêu đề;

vụ của thành viên Hội đồng quản trị		<ul style="list-style-type: none"> - Sửa Khoản 1: thay cụm “nhiệm vụ và quyền hạn” thành “Quyền và nghĩa vụ” của Chủ tịch HĐQT... - Chính sửa Khoản 3: Bỏ cụm từ “(các thành viên HĐQT) khác trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn đã được Chủ tịch HĐQT phân công, không được ủy quyền lại cho người khác. Cụ thể như sau”, thay thế bằng: Các thành viên HĐQT có những quyền và nghĩa vụ sau. - Bổ sung điểm c khoản 3 “tham dự <u>đầy đủ</u>” các phen họp ... - Chính sửa điểm e khoản 3: “Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại HABECO thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và tuân thủ quy chế quản lý người đại diện của Cơ quan quản lý người đại diện.
Mục 4 Tổng giám đốc, Người điều hành khác và bộ máy quản lý	Tiêu đề: Tổng giám đốc và bộ máy quản lý	Tổng giám đốc, Người điều hành khác và bộ máy quản lý
Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Khoản 1 Điều 54 (Điều lệ hiện hành) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số hội không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.	Khoản 1 Điều 56 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của công ty.

	<p>Khoản 2 Điều 54</p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm; Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng thuê lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Khoản 2 Điều 56</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm; Tổng giám đốc có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>
	<p>Khoản 4 Điều 54</p> <p>4. Giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực. Các Phó tổng giám đốc được Hội đồng Quản trị phân công điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của HABECO theo đề nghị của Tổng giám đốc. Các Phó tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc về các phần việc được phân công.</p>	
<p>Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc</p>	<p>Tiêu đề Điều 55. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p>	<p>Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc</p>
	<p>Khoản 1 Điều 55</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của</p>	<p>Khoản 1 Điều 57</p> <p>Sửa đổi, bổ sung</p>

<p>HABECO theo những thông lệ tốt nhất mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt HABECO ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại ;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông.</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của HABECO;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ HABECO, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong HABECO, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong HABECO kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p>	<p>[sửa đổi]: a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>[sửa đổi] b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>[sửa đổi] c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ HABECO</p> <p>[bổ sung] d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của HABECO;</p> <p>[bổ sung] đ. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng/bổ nhiệm để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho người điều hành doanh nghiệp và báo cáo Hội đồng quản trị;</p> <p>[sửa đổi] e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong HABECO, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị;</p> <p>[bổ sung] g. Tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p>
--	--

		<p>Bổ sung điểm m khoản 1 Điều 57:</p> <p>m) Quyết định chương trình phát triển thị trường, tiếp thị theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>
	<p>Khoản 2 Điều 55</p> <p>Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của HABECO theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO, hợp đồng lao động ký với HABECO và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho HABECO thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho HABECO.</p>	<p>Khoản 2 Điều 57</p> <p>Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của HABECO theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO, hợp đồng lao động ký với HABECO và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho HABECO thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho HABECO.</p>
		<p>Bổ sung Khoản 3 Điều 57</p> <p>Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>
		<p>Bổ sung Khoản 4 Điều 57</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>
Điều 58	Khoản 4 Điều 56 Điều lệ hiện hành	Bỏ

Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	Tổng giám đốc HABECO không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác;	
	Khoản 5 Điều 56 Điều lệ hiện hành Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, liên quan đến Tổng giám đốc không được đảm nhiệm hoặc được uỷ quyền đảm nhiệm các chức danh thành viên Ban kiểm soát, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của HABECO.	Chuyển sang Điều khoản khác
Điều 60. Ủy quyền của Tổng giám đốc	Tổng giám đốc có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm bằng văn bản cho <u>một trong số các Phó tổng giám đốc</u> và các chức danh khác ...	Tổng giám đốc có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm bằng văn bản cho <u>Phó tổng giám đốc</u> và các chức danh khác ...
Điều 64. Người điều hành doanh nghiệp		Bổ sung Điều 64. <ol style="list-style-type: none"> 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, HABECO được tuyển dụng người điều hành khác, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của HABECO do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ HABECO đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham

		khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.
Điều 69. Hợp đồng giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận	Khoản 2 Điều 66 Điều lệ hiện hành Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, <u>kể từ ngày niêm yết</u> ;	Khoản 2 Điều 69 Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, <u>kể từ ngày được thông báo</u> ;
Điều 71. Ban kiểm soát	Khoản 1 “Ban kiểm soát có ba (03)....”	Khoản 1 “Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên...”
	Khoản 1 “...Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm.”	Khoản 1 “...Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm.”
	Điểm b Khoản 3 Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; có năng lực và trình độ chuyên môn về tài chính kế toán và quản trị doanh nghiệp	Điểm b Khoản 3 Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; có năng lực và trình độ chuyên môn về tài chính kế toán và quản trị doanh nghiệp; <u>phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên</u> .
	Khoản 5 	Khoản 5

	<p>“Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.”</p>	<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>
<p>Điều 72. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</p>	<p>Khoản 1 Điều 69</p> <p>Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 72</p> <p>Ban kiểm soát thực hiện giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p>
	<p>Khoản 6. “Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp</u>, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. ...”</p>	<p>Khoản 6 “Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu..”</p>

	Khoản 8 “Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị..hậu quả”	Khoản 8 “. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ , yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả”
		Bổ sung khoản 12 “Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO”
Điều 73. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát		Bổ sung khoản 6, khoản 7 như sau: 6. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có hai phần 3 (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. 7. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.
Điều 78. Công khai thông tin về HABECO	Khoản 3. " HABECO phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ , kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a. Tài khoản của HABECO tại ngân	

hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của HABECO;

c. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của HABECO;

d. Thay đổi người quản lý HABECO, gồm thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính kế toán;

đ. Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý HABECO;

e. Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc

	<p>vi phạm pháp luật của HABECO;</p> <p>g. Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;</p> <p>h. Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác."</p>	
		<p>Thay đổi lại thứ tự các khoản, bổ sung khoản 3 như sau:</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</p>
Điều 79. Chế độ kế toán	Điểm b khoản 3. “Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của HABECO phải phản ánh trung thực tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của HABECO”	Điểm b khoản 3 “Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của HABECO phải phản ánh trung thực tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của HABECO. HABECO lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan”
Điều 80. Báo cáo tài chính		Bổ sung khoản 5. “Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của HABECO và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp”
Điều 81. Kiểm toán	Khoản 1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán	Khoản 1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán trên cơ sở danh sách các đơn vị kiểm toán đã

	cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán HABECO sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	<u>được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đơn vị kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</u> Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán HABECO sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
Điều 82. Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ	<p>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được phân phối như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia cổ tức cho các cổ đông; - Trích quỹ đầu tư phát triển; - Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi; - Quỹ phát triển khoa học công nghệ. <p>Mức trích, tỷ lệ trích theo quy định của pháp luật hiện hành và được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.</p>	<p>Sửa đổi, Bổ sung:</p> <p>Điều 82. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận của công ty</p> <p>1. Sau khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, Đại hội đồng cổ đông quyết định trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ, mức trích quỹ tối đa không quá tỷ lệ (%) theo quy định của pháp luật trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ. Việc chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật.</p> <p>2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được phân phối như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia cổ tức cho các cổ đông; - Trích quỹ đầu tư phát triển; - Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi; - Trích quỹ an sinh xã hội; - Trích các quỹ khác (nếu có); <p>3. Mức trích, tỷ lệ trích các quỹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật hiện hành và được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>

		hàng năm.
	Điều 81	Bỏ nội dung “Chế độ và quyền lợi của người lao động”
Điều 84. Hoạt động của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị, xã hội trong Tổng công ty		Bổ sung “Hoạt động của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty”
Điều 85. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam	Điều 82. Người lao động của HABECO có quyền tham gia hoạt động trong các tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công Đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật Nước CHXNCN Việt Nam	Điều 85. Đảng bộ Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.
Điều 87. Quan hệ giữa HABECO với công ty		Chỉ giữ lại nội dung: HABECO thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của HABECO
Điều 88. Quan hệ	Điều 85 HABECO thực hiện quyền, nghĩa vụ	Điều 88 HABECO thực hiện quyền, nghĩa vụ của bên góp vốn theo quy định của pháp luật

giữa HABECO với công ty liên kết	của bên góp vốn thông qua đại diện của mình tại công ty liên kết, phù hợp với pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.	và Điều lệ của công ty liên kết.
	Điều 86. Báo cáo tài chính của HABECO và các công ty con	Bỏ nội dung “Báo cáo tài chính của HABECO và các công ty con”
	Chương IX – Quản lý phần vốn của HABECO tại doanh nghiệp khác	Bỏ Chương IX – Quản lý phần vốn của HABECO tại doanh nghiệp khác
Chương XI. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp	Tiêu đề: Khiếu nại và giải quyết tranh chấp	Sửa tiêu đề: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp
Điều 92. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp	Các tranh chấp nội bộ giữa Công ty với cổ đông của Công ty, giữa các cổ đông Công ty với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động, giải thể Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Nếu không được sẽ đưa ra giải quyết tại Toà kinh tế, Toà án Nhân dân. Mọi cổ đông của HABECO đều có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện trực tiếp để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình theo qui định của pháp luật.	<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định, giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp</p>

		<p>trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải hoặc quyết định hòa giải không được các bên thực hiện, các bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài thương mại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.</p> <p>3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.</p>
		<p>Lược bỏ các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết khiếu kiện; Tư cách tham gia tố tụng; Giải quyết tranh chấp nội bộ
Điều 93. Chấm dứt hoạt động		<p>Bổ sung điểm d khoản 1:</p> <p>d. Kết thúc thời gian hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p>
Điều 94. Thanh lý	Điểm b khoản 3 “Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên”	Điểm b khoản 3 “Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết”
	Tiêu đề: Điều khoản thi hành	Sửa đổi tiêu đề thành “Quy định thực hiện”
	Điều 102 Điều lệ hiện hành	Lược bỏ nội dung “Điều khoản thi hành”